**QUAN NIỆM VỀ VIỆC HỌC THEO KHỔNG GIÁO**

HP

***Kim Trinh***

Đức Khổng Tử sanh ra vào thời Xuân Thu loạn lạc nên Ngài rất suy tư về việc muốn ổn định lại trật tự xã hội. Nhưng vì lúc bấy giờ là thời phong kiến, quyền chính trị phải dựa vào chế độ quân chủ nên từ năm 34 tuổi đến năm 55 tuổi, Ngài chu du khắp các nước mong tìm được một vị vua trọng dụng để mượn quyền chính trị truyền bá học thuyết của mình.

Đến năm 56 tuổi, Ngài trở về nước Lỗ, được vua Lỗ Định Công mời làm quan đất Trung Đô. Đó là cơ hội tốt cho Ngài thực hành sở học của mình. Tuy ở triều chính mới được ba tháng nhưng tài năng phi phàm của Ngài đã có dịp thi thố.

Trong ba tháng ấy, chính trị nước Lỗ được chấn chỉnh, dẹp được loạn thần, thuyết phục được nước Tề trả lại đất đã chiếm của nước Lỗ. Thịnh đức của Ngài như vậy nên học trò của Ngài càng ngày càng đông, cũng vì thế mà Ngài bị bọn gian thần luôn tìm cách hãm hại, để rồi cuối cùng Ngài phải bỏ xứ mà đi.

Suốt khoảng thời gian bôn ba các nước, Ngài gặp rất nhiều khó khăn, nhưng chính khí của Ngài chẳng bao giờ nao núng. Ngài thường nói với các học trò: ***“Trời đã phó giao cái đạo đức ở ta thời những người muốn hại ta thì thế nào đặng?”***

Đến năm 65 tuổi, Ngài mới nghĩ rằng Đạo của mình đã không thịnh hành được ở đời này nên phải nghĩ cách truyền lại cho đời sau nên Ngài mới quay về nước Lỗ mở trường dạy học, đóng cửa viết sách, định khuôn luân lý bất dịch cho muôn đời.

Ngài tự biên sách Xuân Thu, chỉnh sửa lại: **Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ** và làm **Thập Dực** cho bộ **Kinh Dịch.**

Lúc đó học trò Ngài rất đông, có đến ba ngàn người trong đó có mười người trình độ rất cao, chia làm bốn khoa:

- ***Khoa Đức hạnh***: Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiệm Bá Ngưu, Trọng Cung.

- ***Khoa Ngôn ngữ***: Tể Ngã, Tử Cống.

- ***Khoa Chính trị***: Nhiệm Hữu, Quý Lộ.

- ***Khoa Văn học***: Tử Du, Tử Hạ.

Các người học trò trội nhất của Ngài luôn luôn có mặt ở bên thầy mình khi Ngài gặp hoạn nạn, từ Tăng Sâm, Nhan Hồi trở xuống có bảy mươi người gọi là Thất thập tử.

**Quan niệm về việc Học** của Đức Khổng Tử được minh định rõ ràng trong Luận Ngữ- là một trong Tứ Thư, quyển sách được các môn đệ của Ngài kết tập, hệ thống lại thành mười quyển, mỗi quyển có hai thiên, mỗi thiên có nhiều chương ghi lại những lời dạy của Ngài về chữ **Học, chữ Nhân, Lễ, Nghĩa, Chí, Hiếu,** về **Chính trị, đạo của người quân tử**, gương các bậc Thánh Nhân như vua Nghiêu, vua Thuấn.

“Học Nhi” dạy về chữ Học là chương đầu tiên trong Luận Ngữ. Trong Khổng Học Đăng, cụ Phan Bội Châu đã diễn giải rõ về chữ Học của Đức Khổng Tử:

***“Nghĩa chữ học là làm sao? Có phải đọc nhiều sách, biết nhiều chữ mà thôi ư? Học có phải cắp sách vở đi nhà trường là xong ư? Học có phải nhái theo miệng của ông thầy mà được ư? Không phải vậy, không phải vậy…”***

**Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC**

Theo Nho giáo, chữ Học có ba nghĩa:

1. **Học nghĩa là bắt chước**: Hễ người nào tự xét mình hãy còn khiếm khuyết tất phải bắt chước người hiểu biết hơn. Học nơi những bậc hiền nhân, quân tử có đạo đức, phẩm hạnh, tài năng.

2. **Học để cho biết**: bởi vì Trời sinh ra người có một bộ óc thiêng, một tấm lòng tốt, nhưng không có một người nào sinh ra mà biết được mọi sự mọi việc trong thiên hạ, cho nên cần phải học, Đức Khổng Tử dạy: ***“Ngã phi sinh nhi tri giả”*** nghĩa là “*Ta chẳng phải là người sinh ra mà biết được liền.”* Đó là ***học nhi tri chi***, học để biết vậy.

3. **Học để làm**: Trường hợp này **chữ Học đi đôi với chữ Hành**. Hành nghĩa là làm, người ta vẫn thường nói hai chữ Học Hành, bởi vì có học mới hành được, muốn hành trước phải học. Đường mình chưa đi, công việc mình chưa thạo, bảo nhắm mắt làm bướng tất không thể nào làm nên. Vì vậy cần phải có học. Có học, có biết, tất phải có làm. Học được bao nhiêu thì làm bấy nhiêu.

Luận Ngữ chương đầu tiên là **Học nhi**, ghi lại lời Đức Khổng Tử dạy như sau:

*Tử viết:*

* ***Học nhi thì tập chi, bất diệc duyệt hồ.***
* ***Hữu bằng tự viễn phương lai. Bất diệc lạc hồ.***
* ***Nhân bất tri bất uẩn, bất diệc quân tử hồ.***

Qua lời dạy ở chương “Học Nhi”, chúng ta thấy rõ ba giai đoạn, ba thời kỳ của việc học.

* **Thời kỳ đầu:** “***Học nhi thì tập chi”:*** Chữ Tập có nghĩa là học đi học lại, học ôn; Bất diệc duyệt hồ: chẳng vui lắm hay sao? Ngài dạy: ***“Hễ những gì ta học đến, tất phải thường cứ học đi học lại mãi, ngày càng thấm nhuần nhân đó mà nảy ra thú vị, chẳng là thỏa thích lắm hay sao?”***
* **Thời kỳ kế tiếp**: ***“Hữu bằng tự viễn phương lai”:*** Khi sự học đã thuần thục, tức khắc tiếng lành vang xa, đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu thì bạn bè ở phương xa sẽ tìm đến, trao đổi bổ sung kiến thức cho nhau. Hai bên tương đắc thì cả tinh thần lẫn vật chất sung sướng biết chừng nào (bất diệc lạc hồ).
* **Thời kỳ cuối cùng**: ***Nhân bất tri bất uẩn, bất diệc quân tử hồ****?* người đời không biết mình, mình không giận, như thế mình chẳng phải là quân tử sao?). Ở hai thời kỳ trên, việc học giúp cho con người mở mang tri thức, biết nhiều việc thiên hạ, tạo được nhiều mối quan hệ bạn bè; **nhưng mục đích của việc học là cốt trau giồi tài đức trở nên người quân tử**, học không phải để cầu danh, cần gì ai biết đến mình

**QUAN NIỆM VỀ CÁCH HỌC:**

**1. Học với mọi người chung quanh:**

Suốt cuộc đời Đức Khổng Tử đã nêu một tấm gương hiếu học cho người đời sau noi theo. Ngài không có thầy dạy riêng mà đi lên bằng con đường tự học. Ngài dạy:

***“Từ nhỏ ta đã ham thích học hỏi, đến năm 15 tuổi, học tập trở thành một sự đam mê. Nhưng ta không giống nhiều người khác có thầy dạy riêng mà đi lên bằng con đường tự học, chỗ nào không biết hỏi người khác chỉ giúp. Không những học ở thầy giỏi mà còn học ở người bình thường, học ở tất cả những người biết cái mà mình chưa biết, chỉ cần chuyên tâm học tập thì bất cứ ở đâu cũng học được.”***

Đối với Đức Khổng Tử, việc học không đóng khung trong trường lớp, học bất cứ nơi nào và bất kỳ ai đó đem lại cho Ngài sự hiểu biết đều được tôn trọng bằng thầy.

***“Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”***:Một chữ cũng thầy, nửa chữ cũng là thầy.

***“Tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư yên”***: Ba người cùng đi, tất có người làm thầy ta. Ta học nơi người giỏi đã đành, còn người làm điều quấy, ta học để tránh xa, suy cho cùng người đó cũng là thầy ta.

Ngài từng dạy: ***“Triêu văn Đạo, Tịch tử khả hỷ”*** nghĩa là: Sáng nghe Đạo, chiều chết cũng vui. Ngài không để phí thời giờ rỗi rảnh, ngay cả lúc tuổi đã về chiều, Ngài vẫn tiếc rằng mình không còn đủ thời gian để học Kinh Dịch.

**2. Học phải biết hỏi:**

Theo Đức Khổng Tử, học không chỉ phải chuyên mà còn phải phải biết thắc mắc, biết hỏi. Có hỏi để được giải đáp thì mới có thể hiểu thấu đáo những điều đã học, việc học mới tiến bộ. Có lần vào Thái Miếu (Thái Miếu là miếu thờ thủy tổ của vua nước Lỗ), Ngài gặp việc gì cũng hỏi. Có người nói rằng: “Người ấp Trâu (tên một ấp nước Lỗ) vào nhà Thái Miếu gặp việc gì cũng hỏi. Đức Khổng Tử nghe vậy mới nói rằng: ***“Ấy là Lễ vậy”.*** Có nghĩa là hiểu tường tận đến nơi đến chốn, tức là Lễ vậy.

**HỌC TRÒ CỦA ĐỨC KHỔNG TỬ**

Năm 68 tuổi, Đức Khổng Tử trở về nước Lỗ. Môn đệ của Ngài rất đông, trong đó bảy mươi hai người học trò giỏi gọi là thất thập nhị hiền, tinh thông Lục nghệ, nổi tiếng khắp chư hầu. Trong số các học trò của Ngài, sau này có người dạy học, có người ra làm quan, hầu hết đều xứng đáng là môn đệ của Nho gia.

Hai người học trò đầu tiên của ngài là:

* + Nhan Lộ (cha của Nhan Hồi).
  + Tăng Điềm (cha của Tăng Sâm).

Hai vị này cùng với bạn bè hàng xóm, kẻ khiêng đá, người khiêng đất đến đắp một cái bệ trước sân nhà Đức Khổng Tử. Nơi đó gọi là Đàn. Một người đàn bà hàng xóm đem hai cây hạnh trồng ở nơi này. Người phụ nữ này là ân nhân của gia đình Đức Khổng. Cây hạnh mau lớn xanh tốt. Nơi Ngài dạy học từ đó được gọi là Hạnh Đàn. Có lẽ vì vậy mà ngày nay các Thánh sở mở lớp dạy giáo lý cơ bản cho tín đồ được gọi là lớp Hạnh Đường.

Việc nhận học trò của Ngài cũng có rất nhiều giai thoại.

Một hôm Đức Khổng Tử đang luận bàn với các môn đệ trước sân nhà, bỗng có một thanh niên cưỡi ngựa từ ngoài ngõ xông vào. Người này tướng mạo dữ dằn, mạnh khỏe, đeo trường kiếm, hùng hổ nói rằng:

“Ông là Khổng Khâu phải không? Có phải đây là người được người đời tôn sùng lắm không?” Rồi người này nói tiếp:

***“Ta là Tử Lộ, tự là Trọng Do đây, giữa lúc dân tình bị áp bức lầm than, sao không đem sức mạnh chống đỡ cho dân chúng mà lại ngồi đây nói chuyện lý thuyết làm sao dân bớt khổ cho được?”***

Trong tình huống này, nếu không phải là Đức Khổng Tử khó có ai thuyết phục được Tử Lộ. Nhưng đến khi Tử Lộ xin được làm học trò của Ngài thì gặp phải sự không đồng ý của hầu hết các môn sanh. Sau khi suy nghĩ, Ngài chấp nhận Tử Lộ mà dạy rằng: ***“Hữu giáo vô loại”****.* Giáo hóa dạy dỗ cho tất cả, không phân biệt loại người nào.

Câu nói này của Đức Khổng Tử được người đời sau ghi nhớ. Cũng không ai ngờ rằng Tử Lộ sau này là một trong những người học trò giỏi (trong bảy mươi hai người hiền) và là người đã theo hầu Đức Khổng Tử trong mọi bước thăng trầm.

Trường hợp thứ hai: Một quyền thần nước Lỗ là Mạnh Ý Tử có hai người con trai. Họ Mạnh này thường tháp tùng theo vua Lỗ qua các nước láng giềng (nước Sở, nước Trịnh) trong việc bang giao hay tiếp các vua lân bang sang viếng nước Lỗ. Điều đáng chú ý là họ Mạnh không biết gì về “Lễ” cả mà đi học thì ngại vì họ Mạnh là một trọng thần trong triều, nên trong các cuộc tiếp xúc thường xảy ra nhiều điều sai phạm thất lễ làm mất thể diện quốc gia. Đến khi họ Mạnh sắp mất có viết một bức tâm thư gửi Đức Khổng Tử nhờ dạy hai con của mình. Sau đó, người con lớn là Mạnh Vũ Bá không ham học, đi vào con đường chuyên quyền của cha mình, còn người con thứ hai là Nam Cung Kính Thúc rất giỏi, ham học và là người học trò đã tháp tùng Đức Khổng Tử khi thăm Lão Tử. Người học trò này sau trở thành cháu rể Đức Khổng Tử.

- **Nhan Hồi**: Người học trò được Đức Khổng Tử rất mực thương yêu và hy vọng là người kế tục sự nghiệp của Nho gia, nhưng lại mất khi tuổi đời còn quá trẻ, khiến Ngài vô cùng thương tiếc.

- **Tăng Sâm**: Đặc biệt Tăng Điềm và Tăng Sâm là hai cha con đồng học chung một trường. Tăng Sâm và Mẫn Tử Khiên nổi tiếng là người con hiếu và là người đã viết bộ sách Đại Học trong Tứ Thư.

- **Tử Lộ**: Tánh tình cương trực, nóng nảy. Đức Khổng Tử tiên đoán sau này sẽ gặp nạn. (Nạn bạo hổ bằng hà).

- **Tử Hạ:** Sau ra làm quan, một vị quan thanh liêm, chính trực làm rạng danh Nho gia.

- **Tử Cống**: Đức Khổng Tử thường gọi là trò Ung, được Đức Khổng Tử khen: *“Ung dã, khả sử nam diện”* có nghĩa là trò Ung xứng đáng quay mặt về hướng Nam. Hướng Nam là hướng của đạo Kiền, tượng trưng cho các bậc đế vương, cho người quân tử. Các cung điện nơi các bậc vua chúa ngự triều bàn việc quốc sự như Điện Thái Hòa, Điện Kính Thiên triều Nguyễn đều day về hướng Nam.

Nói chung, hầu hết các học trò của Đức Khổng Tử đều kế thừa, xiển dương giáo lý Nho giáo, lưu truyền qua nhiều thế hệ, lấy đức Nhân để trị quốc. Đặc biệt là Mạnh Tử- học trò của Tử Tư (cháu nội của Đức Khổng Tử), dù không trực tiếp là học trò của Đức Khổng Tử, lại là người tiếp tục sự nghiệp truyền bá giáo lý Nho giáo theo đúng chơn truyền nên người đời sau thường gọi chung là giáo lý Khổng Mạnh.

Tuy nhiên, cũng có người học trò như Tuân Tử lại chủ trương không dùng đức Nhân để giáo hóa dân mà lại dùng Pháp trị (nghĩa là dùng luật pháp để trừng phạt kẻ phạm lỗi).

**CÁC MÔN HỌC**

Năm 1122 trước CN, nhà Chu diệt nhà Thương (vua Trụ). Kinh đô thuộc tỉnh Tây An gọi là Tây Chu. Đến năm 770, đời Chu Bình Vương, kinh đô dời về phía Đông gọi là Đông Chu, là thành Lạc Dương thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay. Thời Đông Chu chia làm hai thời kỳ:

- Thời Sơ: Thời Xuân Thu.

- Thời hậu: Thời Chiến Quốc.

Thời Xuân Thu, những ai muốn có một địa vị nhất định trong xã hội, muốn tiến thân vào tầng lớp thượng lưu, tham dự vào việc nắm lấy quyền hành của giới quý tộc, đều phải học thuộc bài học vỡ lòng về: Lễ, Nhạc, Xạ (bắn cung), Ngự (cưỡi ngựa), Thư (viết chữ), Số (tính toán) gọi chung là **Lục nghệ**.

Kẻ sĩ thời xưa phải thông thạo, theo đúng Lễ, Nhạc thịnh hành lúc bấy giờ, phải nắm vững kỹ thuật bắn cung, cưỡi ngựa, viết chữ đẹp, tính toán giỏi.

Từ nhỏ, trong gia đình, Đức Khổng Tử được mẹ và ông ngoại chăm dạy. Đến 15 tuổi, Ngài tự mình lo việc học. Khi học giáo lý Nho gia, chúng ta tôn sùng Đức Khổng Tử là bậc Thánh nhân rất rành về Lễ, có thể chúng ta quên rằng Ngài bắn cung, cưỡi ngựa, đàn hát đều giỏi lại còn viết chữ đẹp, tính toán hay.

Nói chung về Lục nghệ, Ngài kiệt xuất hơn người, chứng tỏ Ngài đã rất dày công học tập.

**Về LỄ**

Nói về Lễ trong Lục nghệ thì ngày nay, chúng ta hiểu đó là thuật xử thế sao cho có tôn ti, trật tự trong gia đình (đối với ông bà, cha mẹ, anh em, cả với con cái).Ngoài xã hội đối với thầy cô, giữ một lòng tôn sư trọng Đạo, đối với hàng xóm có nghĩa có nhân.

Đức Khổng Tử rất ngưỡng mộ, tôn sùng Chu Công nên rất trọng Chu Lễ. Ngài nghe Đàm Tử (vua nước Đàm) rất nổi tiếng về lễ, nhạc nên tìm đến học, lại nghe danh tiếng của Lão Tử vang dội khắp chư hầu nên Đức Khổng Tử cùng một người học trò thân tín tìm đến thành Lạc Dương.

Thời gian tiếp xúc với Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử học được rất nhiều, từ việc nhỏ như nghi thức lễ tang đến việc đi thăm Minh Đường, là nơi các vua nhà Chu họp triều thần, nơi ban sắc chỉ, và việc đi thăm Thái miếu là nơi thờ các tiên vương nhà Chu.

Đến khi Đức Khổng Tử từ giã ra về, Đức Lão Tử có khuyên rằng:

- Người thông minh sâu sắc thường đến gần cái chết vì thích bình luận cái đúng, cái sai của người khác.

- Người hùng biện học rộng thường mang họa vào thân vì hay vạch cái sai sót của người khác.

- Người làm con dân không nên tranh giành của người khác.

- Người làm tôi dân không nên tranh đua với người khác.

**Về NHẠC**

Đức Khổng Tử học nơi Sư Tương và Trương Hoàng là những nhạc sư nổi tiếng thời bấy giờ, truyện kể rằng khi các vị nhạc sư này gảy đàn, nhứt là những bản nhạc hào hùng người ta nghe như có muôn vàn tiếng vó ngựa tung hoành trên chiến trường. Ở nhà các nhạc sư, Ngài say mê học nhạc đến cả quên ăn.

**Về XẠ**

Đức Khổng Tử thường ra ngoại thành luyện tập bắn cung. Kỹ thuật bắn cung của Ngài mỗi ngày một cao siêu, nổi tiếng khắp nơi đến nỗi mỗi khi Ngài đến khu vườn, nơi có nhiều người thường đến tập bắn cung, nhiều người đến xem và hoan hô vang dậy. Ngoài ra, Ngài còn cưỡi ngựa hay, viết chữ đẹp, tính toán rất giỏi nên có lần Ngài đến giúp nhà họ Quý sắp xếp lại sổ sách thật rành rẽ và phát hiện nhiều sai sót.

Năm 30 tuổi, Đức Khổng Tử tinh thông Lục Nghệ, tiếng tăm vang dội khắp chư hầu đương thời

Trong những tháng ngày cuối đời, Đức Khổng Tử suốt ngày đêm soạn Kinh Thi phổ thành Nhạc. Về sau các bài thơ có nhạc để hát bị mất dần cho đến nay không còn nữa. Đức Khổng Tử soạn Kinh Xuân Thu, san định các **Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ** và viết **Thập Dực** cho bộ **Kinh Dịch.**

Ngài dạy:

*- Hưng ư Thi,Tập ư Lễ,Thành ư Nhạc*: có nghĩa là trong việc học, Ngài dùng Kinh Thi để mở rộng tri thức, rồi dùng lễ giáo dạy dỗ bỏ các thói xấu, tập sống trật tự, sau đó mới dùng âm nhạc để hoàn thiện nhân cách.

Kinh Xuân Thu là Kinh Lỗ Xuân Thu, viết về lịch sử nước Lỗ, ghi chép những sự kiện lớn xảy ra theo trình tự thời gian thành một bộ biên niên sử. Soạn Kinh Xuân Thu cần có nhiều sách tham khảo, nên Ngài phải vào thư viện nước Lỗ, đọc sách của Chu Thiên Tử để trong kho tàng nhà Chu. Tử Hạ cùng mười ba môn sinh được giao cho việc tìm được *quyển* ***“Bách nhị thập quốc bảo thư”.***

Những nguyên tắc viết sử của Ngài về việc soạn Kinh Xuân Thu:

- Phải đúng sự thật các sự kiện lịch sử.

- Phải ghi rõ ngày, tháng, năm, thời gian phải chính xác.

- Câu văn phải gọn gàng trong sáng, không rườm rà trùng lắp.

- Cái gì biết thì viết, cái gì không biết nói là không biết.

Sử sách ghi lại rằng: Ngài làm việc liên tục trong phòng chật chội, mệt mỏi, mùa đông giá rét, nước chảy đóng thành băng, mùa hè nóng bức, gió không lọt vào được căn phòng chất đầy mành tre. Soạn sách Xuân Thu, các môn đệ chỉ có nhiệm vụ tìm tài liệu cho Ngài trong các thư viện nhà Chu.

Hai mươi lăm thế kỷ trôi qua, giáo lý Khổng Mạnh vẫn là khuôn vàng thước ngọc cho con người trong việc tu thân, luyện rèn nhân cách. Đến Tam Kỳ Phổ Độ, giáo lý Khổng giáo tiếp tục soi sáng cho hàng môn đệ của Đức Cao Đài làm tròn sứ mạng Nho Tông chuyển thế.

Xin nguyện một lòng tôn Sư trọng Đạo, noi theo gương hiếu học của Ngài để góp phần hoàn thành sứ mạng cứu độ Kỳ Ba của Đấng Cha Trời trong thời mạt pháp.

**Nam Mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn.**